

Số: 162/2021/DS-PT

Ngày: 10/5/2021

*“V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Bích Thủy.
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Vạng - Bà Nguyễn Thị Vĩnh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2021 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 474/2020/QĐ-PT ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị X, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Khóm x, thị trấn T1, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị X là Luật sư Nguyễn Văn H, Văn phòng Luật sư Nguyễn H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị Bảo T2, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khóm x, thị trấn T1, huyện T, Đồng Tháp.

(Có mặt: Bà Võ Thị X, luật sư Nguyễn Văn H; Vắng mặt bà Tô Thị Bảo T2).

Người kháng cáo là bà Võ Thị X và bà Tô Thị Bảo T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ Thị X trình bày:

Trước đây, bà T2 nhiều lần vay tiền của bà. Cụ thể:

- + Ngày 09/3/2019 vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng.
- + Ngày 03/4/2019 vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 02%/tháng.
- + Ngày 18/4/2019 vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 02%/tháng.
- + Ngày 05/6/2019 vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất 02%/tháng.

Các lần vay tiền bà T2 đều có ký biên nhận nợ. Do bà T2 không trả vốn và lãi nên bà kiện yêu cầu bà T2 phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 150.000.000đ và tính lãi theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa, bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000đ và tính lãi từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ kiện theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

- Bị đơn bà Tô Thị Bảo T2 trình bày:

Bà T2 thừa nhận trước đây có vay tiền của bà X, tuy nhiên trong 04 biên nhận do bà X cung cấp thì chỉ có 02 biên nhận đúng là chữ ký của bà và bà chỉ vay 02 khoản tiền này. Cụ thể:

+ Lần thứ nhất vay 20.000.000đ tiền góp. Góp trong thời hạn 55 ngày, mỗi ngày 400.000đ. Bà đã góp được 31 ngày, chỉ còn nợ lại 24 ngày x 400.000đ/ngày = 9.600.000đ.

+ Lần thứ hai vay 50.000.000đ, lãi suất 06%/tháng. Bà đóng lãi được 5-6 tháng thì không còn khả năng trả lãi tiếp.

Như vậy, hiện nay bà chỉ còn nợ bà X số tiền 59.600.000đ và đồng ý trả. Đối với việc bà X yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, bà đồng ý theo mức lãi suất này.

Nay bà X yêu cầu bà trả số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000đ bà không đồng ý, lý do biên nhận ngày 18/4/2019 và biên nhận ngày 05/6/2019 chữ ký trong hai tờ biên nhận không phải của bà. Bà không có vay 02 khoản tiền này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện huyện T tuyên án như sau:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 6; Điều 9; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X đối với bà Tô Thị Bảo T2.

2/ Buộc bà Tô Thị Bảo T2 phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X số tiền vay 120.000.000đ, tiền lãi 34.196.000đ, tổng cộng là 154.196.000đ (Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Tòa án là 1,66%/tháng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và thời hạn kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Võ Thị X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X trong đó có phần 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/6/2019. Bà Tô Thị Bảo T2 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà T2 chỉ còn nợ bà X số tiền 59.600.000 đồng, đối với số tiền 50.000.000 đồng ngày 18/4/2019 không phải chữ ký của bà T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị X rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đ theo biên nhận ngày 05/6/2019 và rút toàn bộ kháng cáo, bà Tô Thị Bảo T2 là người có kháng cáo vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét việc kháng cáo của bà Võ Thị X là nguyên đơn và bà Tô Thị Bảo T2 là bị đơn trong vụ án là nằm trong thời hạn kháng cáo đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị X rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000đồng theo biên nhận ngày 05/6/2019. Xét yêu cầu của bà X về việc bà X rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định, mặc dù theo khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết...*” căn cứ vào quy định trên thì trong trường hợp này phải hỏi ý kiến của bà T2, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà T2 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà T2 vẫn vắng mặt, hơn nữa việc bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T2 và toàn bộ yêu cầu kháng cáo không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà

T2 mà lại có lợi cho bà T2 nên yêu cầu này của bà X được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Luật sư Nguyễn Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X tại phiên tòa phúc thẩm cũng thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà X không có ý kiến gì khác.

[3] Xét kháng cáo của bà Tô Thị Bảo T2, bà T2 không thống nhất theo biên nhận ngày 18/4/2019 vì không phải là chữ ký của bà T2. Do bà T2 không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 18/4/2019 nên đây thuộc trường hợp bà X phải chứng minh và bà X đã yêu cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp có phải chữ ký của bà T2 không. Ngày 20/7/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đã có kết luận giám định số 651/KL-KTHS “*chữ ký, chữ viết họ tên Tô Thị Bảo T2 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết Tô Thị Bảo T2 trên 09 tài liệu mẫu do cùng một người viết ra*”. Căn cứ vào kết quả giám định này thì bà X đã có căn cứ chứng minh biên nhận ngày 18/4/2019 số tiền 50.000.000 đồng do bà T2 viết và ký tên. Bà T2 cho rằng chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 18/4/2019 là không phải của bà T2 là không có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm bà T2 kháng cáo, khi thụ lý vụ án giai đoạn phúc thẩm thì bà T2 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và nhận được giấy triệu tập xét xử, ngày 18/12/2020 bà T2 có văn bản gửi đến Tòa án tỉnh Đồng Tháp xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án do hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi mẹ già và 02 con nhỏ nên phải đi làm ăn xa ở Tây Ninh không thể xin phép về được và xin gia hạn đến ngày 24/3/2021, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện cho bà T2 theo đơn, tuy nhiên sau khi hết thời hạn Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập bà T2 để tiếp tục đưa vụ án ra xét xử. Bà T2 biết được việc Tòa án tỉnh Đồng Tháp triệu tập xét xử, đồng thời chủ động liên lạc qua điện thoại nêu lý do đang ở trong khu vực bị phong tỏa để phòng chống dịch bệnh nên không về được, sau khi hết thời gian phong tỏa Tòa án tỉnh Đồng Tháp tiếp tục triệu tập bà T2 hợp lệ để xét xử vụ án nhưng bà T2 vẫn vắng mặt không đến tham dự phiên tòa nên xem đây là trường hợp bà T2 từ bỏ việc kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Bảo T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc bà X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà X đã rút và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T2 do bà T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 296, Điều 299, khoản 3 Điều 308, Điều 312, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện huyện T.

[1] Đình chỉ giải quyết một phần nội dung vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà X về việc bà X yêu cầu chị T2 trả 30.000.000đ theo biên nhận ngày 05/6/2019 (do bà X rút yêu cầu khởi kiện và rút toàn bộ kháng cáo).

[2] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Bảo T2.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X đối với bà Tô Thị Bảo T2.

Buộc bà Tô Thị Bảo T2 phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X số tiền vay 120.000.000đ, tiền lãi 34.196.000đ, tổng cộng là 154.196.000đ (*Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Tòa án là 1,66%/tháng.

[4] Về chi phí giám định: Bà Tô Thị Bảo T2 có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X chi phí giám định số tiền là 7.650.000đ (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

- Bà Tô Thị Bảo T2 phải nộp 7.709.000đ (*Bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà X được miễn toàn bộ theo quy định của pháp luật do bà X là người cao tuổi.

Bà Tô Thị Bảo T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số xxxx ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAT;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Trương Thị Bích Thủy